

Lớp thiết kế

a, Lớp "InterbankInterface"

<<interface>> InterbankInterface	
+ <<exception>> payOrder(card : CreditCard, amount : int, contents : String) : PaymentTransaction	
+ <<exception>> refund(card : CreditCard, amount : int, contents : String) : PaymentTransaction	

Attribute

Không

Operation

#	Tên	Kiểu dữ liệu	Mô tả (Mục đích)
1	payOder	PaymentTransaction	Thanh toán đơn hàng và trả về giao dịch thanh toán
2	refund	PaymentTransaction	Hoàn tiền và trả về giao dịch thanh toán

Parameter:

- card: Thẻ tín dụng để giao dịch
- amount: số tiền giao dịch
- content: Nội dung giao dịch

Exception:

- PaymentException: nếu mã lỗi trả về đã biết
- UnrecognizedException–nếu không tìm thấy mã lỗi trả vềhoặc có lỗi hệ thống

Method

Không

State

Không

b, Lớp "PaymentController"

<<control>> PaymentController	
- card : CreditCard	
- interbank : InterbankInterface	
+ payOrder(amount: int, contents : String, cardNumber: String, cardHolderName : String, expirationDate : String, securityCode : String) : Map<String,String>	
+ getExpirationDate(date : String) : String	

Attribute

#	Tên	Kiểu dữ liệu trả về	Giá trị mặc định	Mô tả
1	card	CreditCard	NULL	Represent the card used for payment
2	interbank	InterbankInterface	NULL	Represent the Interbank subsystem

Operation

#	Tên	Kiểu dữ liệu trả về	Mô tả (mục đích)
1	payOrder	Map<String, String>	Thanh toán đơn hàng và trả về giao dịch

Parameter

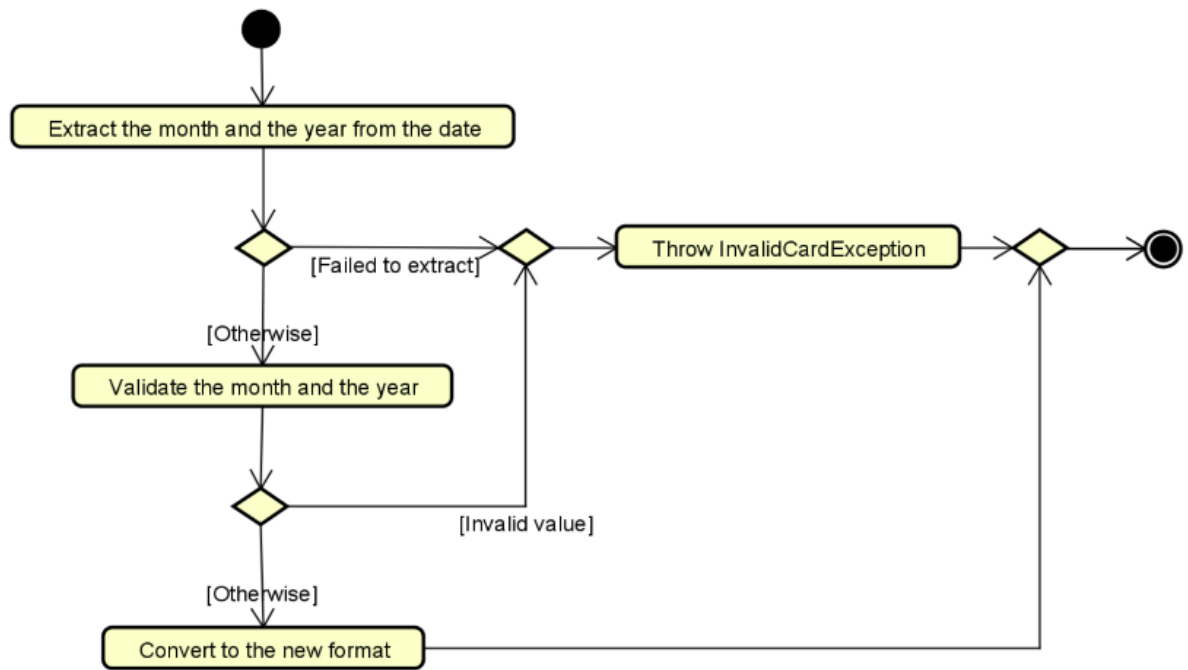
- amount: Số tiền giao dịch
- contents: Nội dung giao dịch
- cardNumber: số thẻ
- cardHolderNumber: tên chủ sở hữu
- expirationDate: ngày hết hạn theo định dạng "mm/yy"
- securityCode: mã bảo vệ cvv/cvc

Exception

- Không

Method

- getExpirationDate: Chuyển dữ liệu ngày từ định dạng "mm/yy" sang "mmyy".



ata

State

Không